

# SO SÁNH HIỆU QUẢ NGẮN HẠN GIỮA HAI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIẢI PHẪU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH NĂM HỌC 2025 - 2026

Nguyễn Huy Tuyên, Lê Cẩm Đường, Đoàn Duy Liên,  
Trần Diệp Linh, Nguyễn Trọng Đức, Cù Minh Sơn và Vũ Duy Tùng✉

Trường Đại học Y Dược Thái Bình

*Nghiên cứu cắt ngang có phân tích so sánh được thực hiện trên 472 sinh viên y khoa năm thứ nhất tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2025 - 2026 nhằm đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng kiến thức giải phẫu sinh viên khi học bằng phương pháp thuyết trình có hình ảnh minh họa (PowerPoint) và Team-Based Learning (TBL). Kết quả cho thấy phương pháp PowerPoint giúp sinh viên đạt điểm kiểm tra ngay sau học cao hơn TBL ( $8,36 \pm 1,85$  so với  $7,29 \pm 2,44$ ;  $p < 0,001$ ). Tuy nhiên, sau 2 tuần, nhóm TBL đạt điểm trung bình cao hơn nhóm PowerPoint ( $8,95 \pm 1,67$  so với  $8,15 \pm 2,03$ ;  $p < 0,001$ ), đồng thời điểm số của nhóm TBL tăng có ý nghĩa thống kê theo thời gian. Tỷ lệ sinh viên đạt điểm A sau 2 tuần ở nhóm TBL cao hơn rõ rệt. Kết quả cho thấy PowerPoint phù hợp với ghi nhớ ngắn hạn, trong khi TBL hiệu quả hơn trong duy trì trí nhớ dài hạn và vận dụng kiến thức giải phẫu.*

**Từ khóa:** Kết quả học tập, sinh viên y khoa, giải phẫu người, Team-Based Learning, PowerPoint, ghi nhớ kiến thức, Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giải phẫu học người từ lâu đã được xem là môn học nền tảng trong chương trình đào tạo y khoa. Kiến thức về cấu trúc cơ thể người đóng vai trò cốt lõi, giúp sinh viên tiếp thu các môn cơ sở khác như sinh lý, sinh hóa, mô phôi, và đặc biệt là làm nền tảng cho các môn lâm sàng. Nghiên cứu của Turney năm 2007 cho rằng giải phẫu là một trong những “trụ cột” của y học hiện đại, giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo thực hành lâm sàng an toàn và hiệu quả, đồng thời là yếu tố then chốt trong quá trình thăm khám, chẩn đoán và thực hiện các thủ thuật, can thiệp lâm sàng.<sup>1,2</sup> Hiểu biết vững chắc về giải phẫu người là tiền đề để sinh viên tiếp cận hiệu quả các môn học chuyên ngành sau này như ngoại khoa, chẩn đoán hình ảnh, sản khoa và nhiều lĩnh vực khác.<sup>3</sup>

Tuy nhiên, việc học tập giải phẫu người, đặc biệt ở sinh viên năm thứ nhất, luôn là một thách thức. Kiến thức môn học thường khô khan, mang tính mô tả, chứa nhiều thuật ngữ phức tạp, đòi hỏi khả năng tư duy không gian cao. Điều này dễ dẫn đến tình trạng quá tải, khiến sinh viên khó nắm bắt kiến thức và thiếu hứng thú với môn học.<sup>4</sup> Năm 2021, Cheung và cộng sự cho rằng bản chất trừu tượng của nhiều cấu trúc giải phẫu cùng với hạn chế về kỹ năng không gian là những rào cản quan trọng trong quá trình học tập.<sup>4</sup> Ngoài ra, thời lượng thực hành trực tiếp trên xác người đang có xu hướng giảm dần ở nhiều quốc gia do hạn chế về nguồn xác, chi phí, an toàn sinh học cũng như sự thay đổi trong chương trình đào tạo.<sup>5</sup>

Để nâng cao hiệu quả dạy và học giải phẫu người, nhiều phương pháp giảng dạy đã được áp dụng và cải tiến trong những năm gần đây. Trong đó, phương pháp thuyết trình có hình ảnh minh họa bằng PowerPoint (PPT) được sử dụng phổ biến nhờ khả năng hệ thống hoá nội dung

Tác giả liên hệ: Vũ Duy Tùng

Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Email: tunganatomy@gmail.com

Ngày nhận: 27/05/2026

Ngày được chấp nhận: 30/06/2026

và trực quan hoá các cấu trúc giải phẫu. Năm 2000, Carmichael và Pawlina nhận thấy việc sử dụng slide động và hoạt ảnh có thể hỗ trợ quá trình tiếp thu kiến thức giải phẫu tốt hơn so với slide tĩnh.<sup>6</sup> Tuy nhiên, năm 2021, Totlis và cộng sự lưu ý rằng nếu chỉ truyền đạt theo hướng một chiều, phương pháp này có thể khiến sinh viên gặp khó khăn trong việc ghi nhớ.<sup>7</sup>

Cùng với xu hướng đổi mới giáo dục y học, các phương pháp dạy học tích cực ngày càng được khuyến khích áp dụng, trong đó nổi bật là phương pháp dạy học dựa trên nhóm (Team-Based Learning - TBL). Khác với PPT chủ yếu hướng đến truyền đạt và hệ thống hoá kiến thức, TBL được thiết kế nhằm thúc đẩy người học chuẩn bị bài trước, tham gia thảo luận nhóm, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề và phát triển tư duy phản biện. Vasani và cộng sự (2011) cho rằng TBL không chỉ nâng cao kết quả học tập mà còn thúc đẩy sự hợp tác và tăng động lực học tập của sinh viên.<sup>8</sup> Trong những năm gần đây, TBL đã được triển khai ngày càng rộng rãi trong đào tạo y khoa tại Việt Nam. Tuy nhiên, bằng chứng về hiệu quả của phương pháp này trong từng môn học và bối cảnh đào tạo cụ thể vẫn còn hạn chế. Cho đến nay, vẫn rất ít nghiên cứu nào đánh giá và so sánh hiệu quả của hai phương pháp này trong giảng dạy Giải phẫu học đối với sinh viên y khoa năm thứ nhất tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: Đánh giá và so sánh khả năng ghi nhớ kiến thức ngay sau khi học, khả năng duy trì kiến thức sau 2 tuần và vận dụng kiến thức giải phẫu của sinh viên đối với hai phương pháp giảng dạy trên.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

### 1. Đối tượng

#### *Tiêu chuẩn lựa chọn*

Sinh viên y khoa năm thứ nhất đang theo

học tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình trong năm học 2025 - 2026, trúng tuyển bằng kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025, đồng thời tự nguyện tham gia nghiên cứu và hoàn thành đầy đủ phiếu khảo sát sau khi đã được cung cấp đầy đủ thông tin, giải thích rõ về mục tiêu, nội dung và quy trình nghiên cứu.

#### *Tiêu chuẩn loại trừ*

Sinh viên đã tốt nghiệp chương trình y sỹ đa khoa, sinh viên là lưu học sinh, sinh viên không hợp tác và vắng mặt trong thời gian thu thập số liệu.

### 2. Phương pháp

#### *Thiết kế nghiên cứu*

Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích so sánh.

Nghiên cứu được thực hiện trên sinh viên y khoa năm thứ nhất trong quá trình học Module 2. Toàn bộ sinh viên tham gia nghiên cứu được học nội dung Giải phẫu theo kế hoạch đào tạo, trong đó các bài được triển khai theo hai phương pháp giảng dạy: thuyết trình có hình ảnh minh họa (PPT) và dạy học dựa trên nhóm (TBL).

Nghiên cứu không tiến hành chia nhóm độc lập, cùng 1 sinh viên được đánh giá sau khi tiếp cận cả 2 phương pháp. Trước khi thu thập số liệu, sinh viên được cung cấp thông tin về mục tiêu, nội dung và quy trình nghiên cứu, những sinh viên đồng ý tham gia được đưa vào nghiên cứu.

**Cỡ mẫu:** Tính theo công thức sau:

$$n = \frac{(Z_{1-\alpha/2} + Z_{1-\beta})^2}{d^2}$$

**Trong đó:**

$Z_{1-\alpha/2} = 1,96$  với mức ý nghĩa thống kê = 5%;  
 $Z_{1-\beta} = 1,28$  với  $\beta = 0,1$ ; d là hiệu cỡ chuẩn hoá (effect size), trong nghiên cứu này chúng tôi

chọn  $d=0,16$ . Từ công thức trên tính ra cỡ mẫu tối thiểu là:  $n = 410$ . Để dự phòng các trường hợp bỏ dở khảo sát hoặc trả lời không đầy đủ, cỡ mẫu dự kiến được tăng thêm 15% tương ứng với 472 sinh viên.

### **Phương pháp chọn mẫu**

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng theo tổ, kết hợp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn trong từng tầng. Thực tế thu thập được 472 sinh viên.

### **Phương pháp thu thập số liệu**

Dùng bảng câu hỏi - trả lời trực tiếp trên giấy.

### **Các chỉ số và tiêu chuẩn sử dụng trong nghiên cứu**

Đặc điểm nhân khẩu học, điểm kiểm tra kiến thức giải phẫu ngay sau khi học (post-test 1) và sau 2 tuần học (post-test 2) theo thang điểm 10.

Bài kiểm tra được xây dựng dựa trên nội dung học tập của Module 2 trường Đại học Y Dược Thái Bình, bao gồm các câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhằm đánh giá mức độ tiếp thu và ghi nhớ kiến thức của sinh viên

### **Phương pháp xử lý số liệu**

Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Các biến định lượng được trình bày dưới dạng giá trị trung bình  $\pm$  độ lệch chuẩn. So sánh giá trị trung bình giữa hai thời điểm/

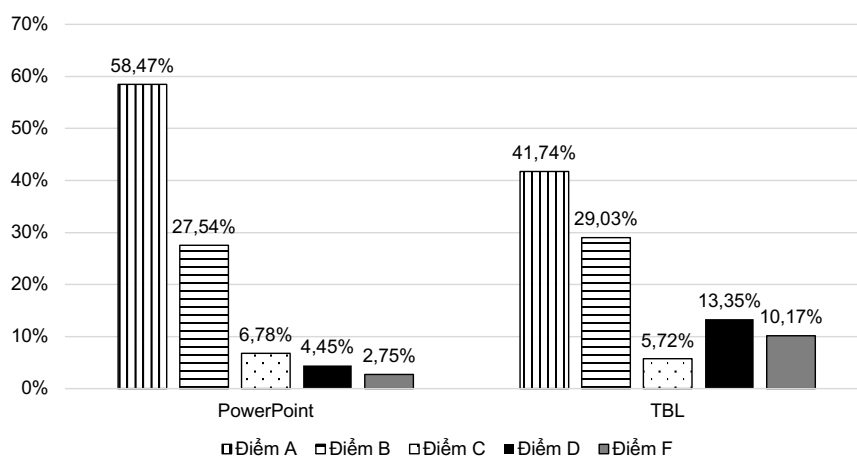
phương pháp trên cùng một nhóm được kiểm định bằng Paired t-test do nhóm sinh viên cùng được dạy theo 2 phương pháp. Giá trị  $p < 0,05$  được xem là có ý nghĩa thống kê.

### **3. Đạo đức nghiên cứu**

Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng Module Dự án Học thuật năm 2025-2026 của trường Đại học Y Dược Thái Bình (Số 2337 ngày 28 tháng 11 năm 2025).

## **III. KẾT QUẢ**

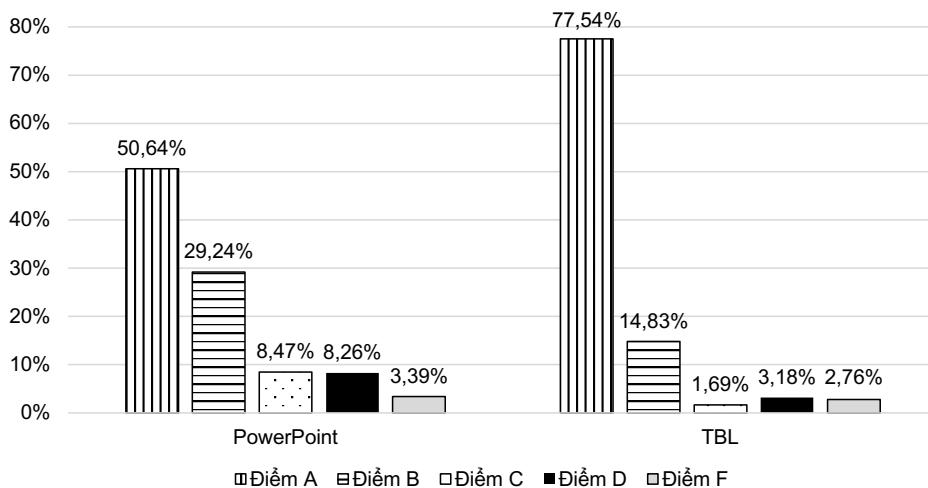
Trong 472 sinh viên y khoa năm thứ nhất cho thấy đa số đối tượng nghiên cứu là sinh viên 18 tuổi (96,80%), nam giới chiếm 52,33%. Phương pháp thuyết trình có hình ảnh minh họa (PowerPoint) giúp sinh viên đạt điểm kiểm tra ngay sau học (post-test 1) cao hơn so với phương pháp Team-Based Learning (TBL) ( $8,36 \pm 1,85$  so với  $7,29 \pm 2,44$ ;  $p < 0,001$ ). Tuy nhiên, sau 2 tuần (post-test 2), nhóm học theo phương pháp dạy học dựa trên nhóm đạt điểm trung bình cao hơn nhóm PowerPoint ( $8,95 \pm 1,67$  so với  $8,15 \pm 2,03$ ;  $p < 0,001$ ), đồng thời điểm trung bình của nhóm TBL tăng có ý nghĩa thống kê theo thời gian ( $p < 0,001$ ). Tỷ lệ sinh viên đạt điểm A sau 2 tuần ở nhóm TBL đạt 77,54%, cao hơn rõ rệt so với nhóm PowerPoint (50,64%).



**Biểu đồ 1. Điểm kiểm tra ngay sau khi học (post-test 1) theo thang điểm A - F (n = 472)**

Biểu đồ 1 cho thấy: Điểm kiểm tra ngay sau khi học (post-test 1) sinh viên khi được dạy bằng phương pháp PPT đạt kết quả cao hơn so với phương pháp dạy học dựa trên nhóm. Tỷ lệ sinh viên đạt điểm A ở phương pháp PPT cao hơn rõ rệt so với phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) (58,47% so với 41,74%),

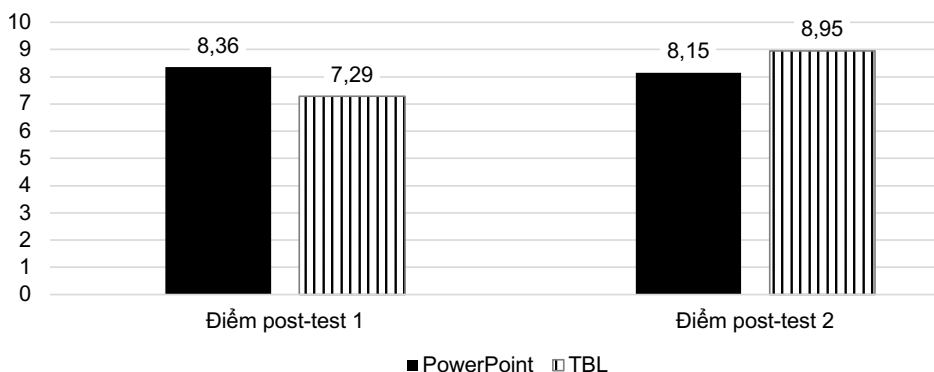
trong khi tỷ lệ đạt điểm D và F ở phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) cao hơn đáng kể (13,35% và 10,17% so với 4,45% và 2,75%). Kết quả này cho thấy phương pháp PPT có xu hướng mang lại hiệu quả ghi nhớ ngắn hạn tốt hơn ngay sau buổi học.



**Biểu đồ 2. Điểm kiểm tra sau khi học 02 tuần (post-test 2) theo thang điểm A - F (n = 472)**

Biểu đồ 2 cho thấy: Điểm kiểm tra sau khi học 02 tuần (post-test 2), sinh viên học theo phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) đạt kết quả tốt hơn so với phương pháp PPT. Tỷ lệ sinh viên đạt điểm A ở phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) cao hơn rõ rệt so với phương pháp PPT (77,54% so với 50,64%),

trong khi đạt điểm C và D ở phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) thấp hơn đáng kể. Kết quả này cho thấy phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) có xu hướng mang lại hiệu quả ghi nhớ và duy trì kiến thức tốt hơn sau 2 tuần.



**Biểu đồ 3. So sánh kết quả trung bình điểm kiểm tra ngay sau khi học (post-test 1) và kết quả**

Biểu đồ 3 cho thấy sự khác biệt về điểm trung bình của sinh viên giữa hai phương pháp học tại hai thời điểm đánh giá. Ở thời điểm post-test 1, với phương pháp thuyết trình có hình ảnh minh họa (PowerPoint) có điểm số trung bình 8,36 điểm, cao hơn so với phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) 7,29 điểm. Tuy nhiên, đến post-test 2, điểm trung bình của phương

pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) tăng lên 8,95 điểm, cao hơn so với phương pháp thuyết trình có hình ảnh minh họa (PowerPoint) là 8,15 điểm. Kết quả cho thấy điểm trung bình của nhóm TBL có xu hướng tăng sau 2 tuần, trong khi điểm trung bình của nhóm PowerPoint giảm nhẹ.

**Bảng 1. So sánh kết quả trung bình giữa 2 phương pháp (n = 472)**

| Thời điểm                       | PowerPoint      | TBL             | p       |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|---------|
| Điểm TB Post-test 1 ( $\pm$ SD) | 8,36 $\pm$ 1,85 | 7,29 $\pm$ 2,44 | < 0,001 |
| Điểm TB Post-test 2 ( $\pm$ SD) | 8,15 $\pm$ 2,03 | 8,95 $\pm$ 1,67 | < 0,001 |

Bảng 1 cho thấy: Điểm trung bình giữa hai phương pháp có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Ở thời điểm post-test 1, điểm trung bình của sinh viên khi học theo phương pháp thuyết trình có hình ảnh minh họa (PPT) là 8,36  $\pm$  1,85 điểm, cao so với phương pháp dạy học dựa theo nhóm (TBL) (7,29  $\pm$  2,44 điểm), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ).

Tại thời điểm post-test 2, điểm trung của

phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) là 8,95  $\pm$  1,67 điểm cao hơn so với phương pháp thuyết trình có hình ảnh minh họa (PPT) là 8,15  $\pm$  2,03 điểm, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ). Như vậy, điểm trung bình của hai phương pháp có sự thay đổi theo thời điểm đánh giá, trong đó PPT đạt kết quả cao hơn ở post-test 1, còn TBL đạt kết quả cao hơn ở post-test 2.

**Bảng 2. So sánh sự thay đổi điểm số giữa post-test 1 và post-test 2 (n = 472)**

| Phương pháp học | Điểm TB Post-test 1 ( $\pm$ SD) | Điểm TB Post-test 2 ( $\pm$ SD) | Chênh lệch TB (Post-test 1 - Post-test 2) | p       |
|-----------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|---------|
| PowerPoint      | 8,36 $\pm$ 1,85                 | 8,15 $\pm$ 2,03                 | 0,20                                      | 0,083   |
| TBL             | 7,29 $\pm$ 2,44                 | 8,95 $\pm$ 1,67                 | -1,67                                     | < 0,001 |

Bảng 2 cho thấy: Sau 2 tuần theo dõi, điểm trung bình của sinh viên khi học bằng phương pháp thuyết trình có hình ảnh minh họa (PowerPoint) giảm nhẹ từ 8,36  $\pm$  1,85 điểm ở bài kiểm tra ngay sau khi học (post-test 1) xuống 8,15  $\pm$  2,03 điểm ở bài kiểm tra sau khi học 02 tuần (post-test 2). Tuy nhiên, sự thay đổi này không có ý nghĩa thống kê ( $p = 0,083$ ), cho thấy kết quả học tập khi áp dụng phương pháp

thuyết trình có hình ảnh minh họa (PowerPoint) nhìn chung không có sự khác biệt đáng kể giữa hai thời điểm đánh giá. Ngược lại, khi áp dụng phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) trên cùng nhóm sinh viên, điểm trung bình tăng rõ rệt từ 7,29  $\pm$  2,44 điểm ở bài kiểm tra ngay sau khi học (post-test 1) lên 8,95  $\pm$  1,67 điểm ở bài kiểm tra sau khi học 02 tuần (post-test 2). Sự gia tăng này có ý nghĩa thống kê ( $p <$

0,001), cho thấy phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) có xu hướng cải thiện kết quả học tập của sinh viên theo thời gian.

#### IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp thuyết trình có hình ảnh minh họa (PowerPoint) giúp sinh viên đạt kết quả học tập cao hơn ngay sau buổi học. Điểm trung bình post-test 1 của nhóm PowerPoint cao hơn nhóm Team-Based Learning (TBL), đồng thời tỷ lệ sinh viên đạt điểm A cũng cao hơn. Điều này cho thấy phương pháp PowerPoint có ưu thế trong việc hỗ trợ sinh viên tiếp thu và tái hiện kiến thức trong thời gian ngắn. Kết quả này có thể được giải thích bởi đặc điểm của phương pháp giảng dạy bằng PowerPoint, trong đó nội dung bài học được trình bày theo cấu trúc logic, trực quan và có hệ thống thông qua hình ảnh, sơ đồ và các cấu trúc minh họa. Trong môn Giải phẫu người - một môn học có khối lượng kiến thức lớn và mang tính hình thái học cao - việc sử dụng hình ảnh minh họa giúp sinh viên dễ hình dung các cấu trúc giải phẫu và ghi nhớ kiến thức tốt hơn ngay sau buổi học.

Tuy nhiên, kết quả sau 2 tuần cho thấy nhóm sinh viên học theo phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) đạt điểm post-test 2 cao hơn nhóm PowerPoint. Không chỉ duy trì được kết quả học tập, nhóm TBL còn có xu hướng tăng điểm số theo thời gian, trong khi điểm số của nhóm PowerPoint giảm nhẹ. Sự khác biệt này có thể liên quan đến đặc điểm của quá trình học tập phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL), khi sinh viên không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn tham gia vào các hoạt động thảo luận nhóm, phân tích câu hỏi và giải quyết nhiệm vụ. Khác với phương pháp thuyết trình có hình ảnh minh họa (PPT) chỉ tập trung vào truyền đạt kiến thức từ giảng viên, phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) yêu cầu sự chủ động xử lý thông tin, trao đổi với các thành

viên trong nhóm và tự hình thành cách hiểu của bản thân. Các hoạt động này có thể góp phần giúp sinh viên củng cố kiến thức sau quá trình học. Quá trình này giúp người học phân tích và xử lý thông tin ở mức độ sâu hơn, từ đó tăng khả năng mã hóa kiến thức vào trí nhớ dài hạn và hạn chế quá trình quên lãng. Theo lý thuyết đường cong quên lãng của Hermann Ebbinghaus, kiến thức sẽ giảm dần theo thời gian nếu không được củng cố thông qua hoạt động ôn tập và vận dụng.<sup>9</sup> Do đó, việc tham gia các hoạt động học tập tích cực trong TBL có thể góp phần hạn chế sự suy giảm kiến thức sau học.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Vasan và cộng sự (2011), trong đó sinh viên học theo mô hình TBL đạt kết quả học tập cao hơn so với phương pháp giảng dạy truyền thống.<sup>8</sup> Tương tự, nghiên cứu của Huitt và cộng sự (2015) cũng cho thấy TBL giúp cải thiện khả năng hiểu sâu và ghi nhớ kiến thức giải phẫu.<sup>10</sup> Tuy nhiên, khác với các nghiên cứu trên, nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận nhóm học bằng PowerPoint đạt kết quả cao hơn ở bài kiểm tra ngay sau buổi học. Sự khác biệt này có thể liên quan đến thời điểm đánh giá, khi nghiên cứu hiện tại tập trung vào khả năng ghi nhớ ngắn hạn ngay sau học, trong khi các nghiên cứu trước chủ yếu đánh giá hiệu quả học tập trong thời gian dài hơn.

Ngoài ra, nghiên cứu không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kết quả học tập theo giới tính và điểm thi THPT quốc gia. Điều này cho thấy hiệu quả của hai phương pháp tương đối ổn định giữa các nhóm sinh viên có đặc điểm đầu vào khác nhau. Đặc biệt, phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) có xu hướng giúp giảm sự chênh lệch kết quả học tập giữa các nhóm sinh viên, góp phần tạo ra môi trường học tập tích cực và tương đối đồng đều cho người học. Tuy nhiên, nghiên cứu chưa đánh giá đầy đủ các yếu tố khác như mức

độ chuẩn bị bài trước học, mức độ tham gia thảo luận hoặc sự khác biệt về chiến lược học tập các nhân của sinh viên.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp PowerPoint có ưu thế trong việc hỗ trợ sinh viên tiếp thu kiến thức nhanh ngay sau buổi học, trong khi phương pháp dạy học dựa trên nhóm (TBL) giúp duy trì và củng cố kiến thức tốt hơn theo thời gian. Điều này gợi ý rằng việc kết hợp giữa phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp học tập tích cực có thể góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Giải phẫu học cho sinh viên y khoa.

## V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp thuyết trình có hình ảnh minh họa có ưu thế trong hỗ trợ tiếp thu và ghi nhớ kiến thức giải phẫu ngắn hạn, trong khi phương pháp Team-Based Learning (TBL) hiệu quả hơn trong duy trì trí nhớ dài hạn và tăng khả năng vận dụng kiến thức khi áp dụng trên nhóm sinh viên y được Thái Bình. TBL đồng thời góp phần thúc đẩy học tập chủ động và tương tác nhóm. Những kết quả này cho thấy việc kết hợp linh hoạt giữa phương pháp giảng dạy truyền thống và học tập tích cực có thể góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học giải phẫu người trong đào tạo y khoa. Cần có thêm các nghiên cứu với thời lượng nghiên cứu dài hơn và các công cụ đánh giá chuyên biệt để xác định rõ hơn hiệu quả lâu dài của các phương pháp này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Turney BW. Anatomy in a modern medical curriculum. *Ann R Coll Surg Engl*. Mar 2007; 89(2): 104-7. doi:10.1308/003588407x168244.
2. Huy Nguyen Van. Giới thiệu môn Giải phẫu người. *Giải phẫu người*. Nhà xuất bản Y học; 2024:9-16.
3. Singh R, Yadav N, Pandey M, Jones DG. Is inadequate anatomical knowledge on the part of physicians hazardous for successful clinical practice? *Surg Radiol Anat*. Jan 2022; 44(1): 83-92. doi:10.1007/s00276-021-02875-7.
4. Cheung CC, Bridges SM, Tipoe GL. Why is Anatomy Difficult to Learn? The Implications for Undergraduate Medical Curricula. *Anat Sci Educ*. Nov 2021; 14(6): 752-763. doi:10.1002/ase.2071.
5. Patra A, Pushpa N, Ravi KS. Future of Cadaveric Dissection in Anatomical Science Education. *National Journal of Clinical Anatomy*. 2022; 11(3): 123-125. doi:10.4103/njca.Njca\_126\_22.
6. Carmichael SW, Pawlina W. Animated PowerPoint as a tool to teach anatomy. *Anat Rec*. Apr 15 2000; 261(2): 83-8. doi:10.1002/(sici)1097-0185(20000415)261:2<83::Aid-ar8>3.0.Co;2-d.
7. Totlis T, Tishukov M, Piagkou M, Kostares M, Natsis K. Online educational methods vs. traditional teaching of anatomy during the COVID-19 pandemic. *Anat Cell Biol*. Sep 30 2021; 54(3): 332-339. doi:10.5115/acb.21.006.
8. Vasan NS, DeFouw DO, Compton S. Team-based learning in anatomy: an efficient, effective, and economical strategy. *Anat Sci Educ*. Nov-Dec 2011; 4(6): 333-9. doi:10.1002/ase.257.
9. Ebbinghaus H. *Memory: A Contribution to Experimental Psychology*. Ruger HAB, C. E. Teachers College Press; 1913.
10. Huitt TW, Killins A, Brooks WS. Team-based learning in the gross anatomy laboratory improves academic performance and students' attitudes toward teamwork. *Anat Sci Educ*. Mar-Apr 2015; 8(2): 95-103. doi:10.1002/ase.1460.

## Summary

### **COMPARISON OF THE EFFECTIVENESS OF ANATOMY TEACHING METHODS AT THAI BINH UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY, 2025-2026**

A comparative cross-sectional study was conducted on 472 first-year medical students at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy during the 2025 – 2026 academic year to evaluate knowledge retention, the application of anatomical knowledge, and student satisfaction using two teaching methods: PowerPoint-based lectures with visual illustrations and Team-Based Learning (TBL). The results showed that the PowerPoint method enabled students to achieve significantly higher scores immediately after the lesson compared with the TBL method ( $8.36 \pm 1.85$  vs.  $7.29 \pm 2.44$ ;  $p < 0.001$ ). However, after two weeks, the TBL group demonstrated significantly higher mean scores than the PowerPoint group ( $8.95 \pm 1.67$  vs.  $8.15 \pm 2.03$ ;  $p < 0.001$ ). In addition, the scores of the TBL group increased significantly over time. The proportion of students achieving grade A after two weeks was also markedly higher in the TBL group. These findings suggest that the PowerPoint method is more effective for short-term knowledge retention, whereas TBL is more beneficial for long-term retention and the application of anatomical knowledge.

**Keywords:** Learning outcomes, medical students, human anatomy, Team-Based Learning, PowerPoint, knowledge retention, Thai Binh University of Medicine and Pharmacy.